

Số: 1051 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 14 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Kỹ thuật Giao thông tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 121 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 15 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K56 (2014 – 2018)	K57 (2015 – 2019)	K58 (2016 – 2020)	Cộng
1	Khoa học hàng hải	-	01	08	09
2	Kỹ thuật ô tô	-	08	86	94
3	Kỹ thuật tàu thủy	03	02	13	18

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K58 (2016-2019)	K59 (2017-2020)	Cộng
1	Công nghệ kỹ thuật ô tô	03	12	15

Điều 2. Trường phòng liên quan, Khoa Kỹ thuật Giao thông và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020
 Theo Quyết định số 1051 /QĐ-ĐHNT ngày 14 tháng 9 năm 2020
 Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Khoa học hàng hải

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57132583	Nguyễn Quốc Cường	28/06/1996	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	57.KHHH	2015-2019
2	58133075	Huỳnh Thanh Giang	09/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.KHHH	2016-2020
3	58133076	Mai Thị Bích Hợp	15/12/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KHHH	2016-2020
4	58133079	Nguyễn Bảo Kha	15/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.KHHH	2016-2020
5	58133081	Võ Thị Mỹ Lệ	20/06/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.KHHH	2016-2020
6	58131822	Lê Anh Minh	14/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KHHH	2016-2020
7	58133087	Lê Thành Phát	01/03/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58.KHHH	2016-2020
8	58133089	Ngô Văn Gia Phước	01/01/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.KHHH	2016-2020
9	58133092	Trương Văn Sơn	23/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.KHHH	2016-2020

Danh sách có 09 sinh viên

2. Kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57130295	Lê Việt Hùng	30/05/1997	Bình Định	Nam	Trung bình	57.CNOT-1	2015-2019
2	57131298	Ngô Hoàng Nhất Phi	21/12/1997	Khánh Hòa	Nam	Khá	57.CNOT-1	2015-2019
3	57131733	Mai Nguyễn Phúc Thiện	26/02/1997	Bình Định	Nam	Trung bình	57.CNOT-1	2015-2019
4	57130536	Nguyễn Thanh Tứ	25/04/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.CNOT-1	2015-2019
5	57131306	Bùi Trần Bình	31/03/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNOT-2	2015-2019
6	57130874	Vũ Sơn Lâm	10/11/1997	Nghệ An	Nam	Trung bình	57.CNOT-2	2015-2019
7	57131123	Trần Thành Thiện	21/10/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNOT-2	2015-2019
8	57132288	Âu Huy Thiện	20/03/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNOT-2	2015-2019
9	58131863	Nguyễn Đức Bảo	02/05/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
10	58131866	Nguyễn Thái Bình	28/02/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
11	58131875	Đào Tấn Danh	10/12/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
12	58131904	Phạm Minh Hiếu	20/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
13	58131911	Nguyễn Ngọc Hoài	13/07/1998	Bình Định	Nam	Giỏi	58.CNOT-1	2016-2020
14	58133285	Phan Xuân Huân	10/08/1997	Quảng Trị	Nam	Trung bình	58.CNOT-1	2016-2020
15	58133286	Nguyễn Đăng Hùng	21/11/1997	Gia Lai	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
16	58131929	Nguyễn Đăng Khải	25/10/1998	Gia Lai	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
17	58131938	Hoàng Tứ Lập	03/07/1998	Hải Dương	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
18	58131945	Cao Minh Lợi	29/06/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
19	58131956	Phạm Xuân Nam	13/12/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
20	58131965	Võ Văn Nhật	22/01/1998	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
21	58131970	Võ Hữu Phát	18/06/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
22	58131972	Thái Thanh Phong	20/11/1998	Gia Lai	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
23	58131974	Nguyễn Văn Phúc	02/01/1998	Đắk Lắk	Nam	Giỏi	58.CNOT-1	2016-2020
24	58131980	Nguyễn Văn Quân	17/08/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
25	58131982	Nguyễn Thị Như Quỳnh	22/01/1998	Phú Yên	Nữ	Giỏi	58.CNOT-1	2016-2020

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
26	58131987	Nghiêm Thái	Son	23/03/1998	Kon Tum	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
27	58131993	Võ Thành	Tâm	07/10/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
28	58131990	Nguyễn Văn	Tạo	29/12/1997	Bình Định	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
29	58132019	Trần Phước	Thiện	05/12/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
30	58132022	Trần Văn	Thịnh	10/01/1997	Gia Lai	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
31	58132024	Trần Văn	Thoại	16/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
32	58132035	Trần Văn	Thức	15/12/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
33	58131996	Lâm Hoàng	Tiến	17/12/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
34	58131999	Nguyễn Trung	Tín	25/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
35	58132046	Trương Đào Xuân	Trung	26/03/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
36	58132003	Trần Thanh	Tú	22/12/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
37	58132009	Nguyễn Văn	Tường	01/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
38	58132054	Nguyễn Tấn	Vương	25/06/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.CNOT-1	2016-2020
39	58131882	Lê Văn	Duy	02/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
40	58131893	Trần Duy	Hà	06/06/1997	Quảng Nam	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
41	58131899	Võ Văn	Hậu	28/07/1998	Gia Lai	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
42	58131902	Lê Trung	Hiếu	30/04/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
43	58131925	Quảng Đại Thành	Jon	05/02/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
44	58131932	Phạm Việt	Khanh	12/08/1998	Quảng Nam	Nam	Trung bình	58.CNOT-2	2016-2020
45	58131927	Lê Vũ Trung	Kiên	04/06/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
46	58131943	Phạm Đức	Lĩnh	04/02/1998	Gia Lai	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
47	58131954	Tổng Nhật	Minh	27/05/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
48	58132088	Văn	Nghĩa	10/05/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
49	58131966	Đỗ Tấn	Phát	06/01/1998	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
50	58131969	Trịnh Đoàn	Phát	24/07/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
51	58131975	Trương Tấn	Phước	01/09/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
52	58133747	Hoàng Văn	Son	23/03/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
53	58131991	Dương Minh	Tâm	14/02/1998	Gia Lai	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
54	58132020	Lê Đức	Thịnh	16/12/1998	Gia Lai	Nam	Giỏi	58.CNOT-2	2016-2020
55	58132025	Hoàng Trung	Thông	07/06/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
56	58132032	Nguyễn Đăng	Thục	20/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.CNOT-2	2016-2020
57	58131998	Nguyễn Lê Việt	Tiến	31/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
58	58132004	Nguyễn Văn	Tuân	23/05/1998	Gia Lai	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
59	58132010	Đỗ Văn	Tường	21/02/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
60	58132049	Huỳnh Sĩ	Viện	20/04/1997	Gia Lai	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
61	58132055	Trần Văn	Vương	06/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
62	58132058	Nguyễn Trường Thành	Ý	02/02/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNOT-2	2016-2020
63	58131889	Nguyễn Văn	Đăng	21/02/1997	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
64	58131877	Nguyễn Văn	Diễn	04/06/1998	Phú Yên	Nam	Trung bình	58.CNOT-3	2016-2020
65	58131884	Nguyễn Quốc	Duy	14/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
66	58131897	Lê Phong	Hào	20/11/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
67	58131900	K'	Hiền	28/12/1998	Lâm Đồng	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
68	58131903	Lưu Minh	Hiếu	16/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020

Asia

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
69	58131906	Nguyễn Duy Hòa	20/04/1998	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	58.CNOT-3	2016-2020
70	58133284	Đào Trọng Hòa	08/10/1997	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.CNOT-3	2016-2020
71	58131913	Trần Ngọc Hoan	05/11/1998	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
72	58131923	Nguyễn Ngọc Hưng	23/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
73	58131921	Hồ Vũ Huy	07/12/1998	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
74	58131941	Phạm Tấn Linh	22/12/1997	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
75	58131944	Phạm Đình Lộc	18/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
76	58131955	Đỗ Phương Nam	03/04/1997	Đắk Lắk	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
77	58131960	Lê Quốc Nhân	07/07/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
78	58131963	Nguyễn Văn Nhân	08/04/1998	Quảng Trị	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
79	58131957	Trần Tô Ny	21/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	58.CNOT-3	2016-2020
80	58131967	Đỗ Văn Phát	28/01/1997	Bình Định	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
81	58131976	Lê Thanh Phương	10/05/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
82	58131977	Nguyễn Văn Quang	25/12/1998	Gia Lai	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
83	58131988	Trần Hữu Tài	29/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
84	58131989	Nguyễn Duy Tạo	20/02/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
85	58132015	Nguyễn Hữu Thắng	17/06/1998	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
86	58131690	Trần Văn Thế	28/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
87	58132018	Phạm Khắc Thiện	23/02/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
88	58132026	Thạch Ngọc Thông	02/03/1998	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	58.CNOT-3	2016-2020
89	58131995	Đoàn Ngọc Tiên	16/02/1998	Quảng Nam	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
90	58133459	Lê Quang Hoàng Tiến	08/02/1997	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
91	58132000	Hoàng Sỹ Tình	11/05/1998	Gia Lai	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
92	58133300	Nguyễn Huy Tường	10/10/1998	Thừa Thiên Huế	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
93	58132053	Huỳnh Ngọc Vương	24/02/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020
94	58132056	Võ Duy Vương	22/12/1998	Bình Định	Nam	Khá	58.CNOT-3	2016-2020

Danh sách có 94 sinh viên

3. Kỹ thuật tàu thủy

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56137077	Nguyễn Xuân Hoàng	01/10/1996	Phú Yên	Nam	Trung bình	56.KTTT	2014-2018
2	56131655	Lê Văn Thiện	15/01/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.KTTT	2014-2018
3	56135140	Lê Anh Tuấn	14/11/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56.KTTT	2014-2018
4	57130004	Phan Tuấn Anh	05/09/1997	Đà Nẵng	Nam	Trung bình	57.KTTT-2	2015-2019
5	57131786	Mai Trường Nguyên	07/02/1997	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	57.KTTT-2	2015-2019
6	58132368	Lê Hữu Can	22/08/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTTT	2016-2020
7	58132370	Nguyễn Thái Cường	30/07/1998	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58.KTTT	2016-2020
8	58132379	Nguyễn Hữu Đức	29/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTTT	2016-2020
9	58132383	Đinh Trang Hòa	14/04/1998	Lâm Đồng	Nam	Khá	58.KTTT	2016-2020
10	58132395	Lê Trọng Nhất	06/09/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.KTTT	2016-2020
11	58133088	Nguyễn Vạn Phong	30/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTTT	2016-2020
12	58132403	Phạm Duy Tâm	10/07/1997	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.KTTT	2016-2020
13	58132405	Nguyễn Hữu Tín	22/10/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTTT	2016-2020

Ký

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
14	58132422	Hồ Văn Trung	25/10/1998	Đà Nẵng	Nam	Giỏi	58.KTTT	2016-2020
15	58132423	Tăng Tiến Trưởng	25/07/1998	Đà Nẵng	Nam	Khá	58.KTTT	2016-2020
16	58132407	Nguyễn Huỳnh Trọng Tú	23/01/1998	Khánh Hoà	Nam	Giỏi	58.KTTT	2016-2020
17	58133336	Trần Đức Tuấn	01/11/1998	Quảng Ngãi	Nam	Khá	58.KTTT	2016-2020
18	58132110	Trương Hải Vương	18/09/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.KTTT	2016-2020
Danh sách có 18 sinh viên								

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020
Theo Quyết định số 1051 /QĐ-ĐHNT ngày 14 tháng 9 năm 2020
Loại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

1. Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	58161146	Nguyễn Đức Hùng	04/09/1998	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	58C.CNOT	2016-2019
2	58160711	Đinh Quang Tín	03/04/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58C.CNOT	2016-2019
3	58160733	Nguyễn Quảng Win	22/03/1997	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	58C.CNOT	2016-2019
4	59160791	Hồ Nguyễn Gia Bảo	05/11/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNOT-1	2017-2020
5	59169027	Lê Líp Bìn	19/02/1999	Phú Yên	Nam	Giỏi	59C.CNOT-1	2017-2020
6	59160812	Trương Cao Đông	04/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNOT-1	2017-2020
7	59169249	Đinh Chí Dũng	21/01/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNOT-1	2017-2020
8	59169085	Phan Thanh Hoàng	22/01/1999	Ninh Thuận	Nam	Khá	59C.CNOT-1	2017-2020
9	59169285	Nguyễn Trường Huy	09/03/1999	Gia Lai	Nam	Khá	59C.CNOT-1	2017-2020
10	59160906	Nguyễn Văn Nghĩa	12/08/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59C.CNOT-1	2017-2020
11	59160928	Nguyễn Trọng Phúc	11/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNOT-1	2017-2020
12	59161038	Phạm Thế Vinh	25/09/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	59C.CNOT-1	2017-2020
13	59169031	Cao Hai Cảnh	02/09/1994	Bình Thuận	Nam	Khá	59C.CNOT-2	2017-2020
14	59160910	Lê Cao Nguyên	10/02/1999	Bình Định	Nam	Trung bình	59C.CNOT-2	2017-2020
15	59160968	Trương Thành Thi	12/06/1999	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	59C.CNOT-2	2017-2020
Danh sách có 15 sinh viên								

15